

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐHXD MIỀN TÂY

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CHÍNH THỨC

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM
KỲ THI KTHP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026
Trình độ: ĐẠI HỌC; Ngày thi: 09/12/2025
Môn: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 3
(Đáp án - thang điểm gồm 02 trang)

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1		1. Không. Kế toán không điều chỉnh giảm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, vì vật liệu chưa đưa vào thi công thì về bản chất chưa phát sinh chi phí theo quy định của Thông tư 200.	1.5
		2. Giải thích: - Theo TT200, chi phí NVL trực tiếp (TK 621) chỉ được ghi nhận khi vật liệu thực tế xuất dùng cho thi công. Vật liệu chỉ được chuyển ra công trường để bảo quản không được coi là xuất dùng. - Việc đưa vật liệu ra công trường chỉ là thay đổi địa điểm bảo quản, không làm thay đổi bản chất tài sản, nên vẫn ghi nhận là hàng tồn kho (TK 152). - Do vật liệu chưa hạch toán vào 621 nên không có cơ sở để ghi giảm chi phí. - Chỉ khi sử dụng thực tế mới ghi: Nợ 621 / Có 152.	1.5
Tổng điểm câu 1			3.0đ

Câu	Ý	Nội dung	Điểm																																
2		Báo cáo kết quả hoạt động năm N (TH- Ghi nhận tài sản thuế hoãn lại) <table><tr><th>Chỉ tiêu</th><th>Năm nay (1.000 đồng)</th></tr><tr><td>1. Doanh thu bán hàng và CCDV</td><td>3.217.000</td></tr><tr><td>2. Các khoản giảm trừ</td><td>440.000</td></tr><tr><td>3. Doanh thu thuần BH và CCDV</td><td>2.777.000</td></tr><tr><td>4. Giá vốn hàng bán</td><td>2.594.000</td></tr><tr><td>5. Lợi nhuận gộp về BH và CCDV</td><td>183.000</td></tr><tr><td>6. Chi phí bán hàng</td><td>103.000</td></tr><tr><td>7. Chi phí QLDN</td><td>345.000</td></tr><tr><td>8. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</td><td>(265.000)</td></tr><tr><td>9. Doanh thu hoạt động tài chính</td><td>280.000</td></tr><tr><td>10. Chi phí tài chính</td><td>142.000</td></tr><tr><td>11. Lợi nhuận tài chính</td><td>138.000</td></tr><tr><td>12. Thu nhập khác</td><td>31.700</td></tr><tr><td>13. Chi phí khác</td><td>15.200</td></tr><tr><td>14. Lợi nhuận khác</td><td>16.500</td></tr><tr><td>15. Lợi nhuận trước thuế</td><td>(110.500)</td></tr></table>	Chỉ tiêu	Năm nay (1.000 đồng)	1. Doanh thu bán hàng và CCDV	3.217.000	2. Các khoản giảm trừ	440.000	3. Doanh thu thuần BH và CCDV	2.777.000	4. Giá vốn hàng bán	2.594.000	5. Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	183.000	6. Chi phí bán hàng	103.000	7. Chi phí QLDN	345.000	8. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(265.000)	9. Doanh thu hoạt động tài chính	280.000	10. Chi phí tài chính	142.000	11. Lợi nhuận tài chính	138.000	12. Thu nhập khác	31.700	13. Chi phí khác	15.200	14. Lợi nhuận khác	16.500	15. Lợi nhuận trước thuế	(110.500)	3.0
Chỉ tiêu	Năm nay (1.000 đồng)																																		
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	3.217.000																																		
2. Các khoản giảm trừ	440.000																																		
3. Doanh thu thuần BH và CCDV	2.777.000																																		
4. Giá vốn hàng bán	2.594.000																																		
5. Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	183.000																																		
6. Chi phí bán hàng	103.000																																		
7. Chi phí QLDN	345.000																																		
8. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(265.000)																																		
9. Doanh thu hoạt động tài chính	280.000																																		
10. Chi phí tài chính	142.000																																		
11. Lợi nhuận tài chính	138.000																																		
12. Thu nhập khác	31.700																																		
13. Chi phí khác	15.200																																		
14. Lợi nhuận khác	16.500																																		
15. Lợi nhuận trước thuế	(110.500)																																		

Câu	Ý	Nội dung	Điểm						
		<table><tr><td>16. Thuế thu nhập doanh nghiệp</td><td>0</td></tr><tr><td>17. Tài sản thuế hoãn lại</td><td>24.310</td></tr><tr><td>18. Lợi nhuận sau thuế</td><td>(86.190)</td></tr></table>	16. Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	17. Tài sản thuế hoãn lại	24.310	18. Lợi nhuận sau thuế	(86.190)	
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp	0								
17. Tài sản thuế hoãn lại	24.310								
18. Lợi nhuận sau thuế	(86.190)								
		<u>Giải thích:</u> + Trong trường hợp ghi nhận tài sản thuế hoãn lại, phần này sẽ được ghi nhận vào mục "Tài sản thuế hoãn lại" trong phần Lợi nhuận sau thuế, làm giảm lỗ sau thuế. Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế - Thuế thu nhập doanh nghiệp + Tài sản thuế hoãn lại Lợi nhuận sau thuế = -110.500 - 0 + 24.310 [110.500 * 22%] = -86.190 (lỗ sau thuế đã ghi nhận tài sản thuế hoãn lại). + Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận như là một tài sản của doanh nghiệp, thể hiện khả năng giảm nghĩa vụ thuế trong các kỳ sau khi doanh nghiệp có lãi. Lợi nhuận sau thuế đã được điều chỉnh với việc ghi nhận tài sản thuế hoãn lại, giúp giảm mức lỗ mà doanh nghiệp báo cáo trong kỳ.	0.5 x2						
Tổng điểm câu 2			4.0đ						
3		Định khoản (Đơn vị: 1.000 đồng): 1. Tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Nợ TK 154: 700.000 (chi phí NVL hợp lý) Nợ TK 632: 20.000 (chi phí vượt định mức) Có TK 621: 720.000	0.5						
		2. Tập hợp các chi phí còn lại: Nợ TK 154: 745.000 Có TK 622: 500.000 Có TK 623: 120.000 Có TK 627: 125.000	0.5						
		3. Thanh lý thiết bị chuyên dùng: Nợ TK 111: 11.000 (tiền mặt nhận được) Có TK 154: 10.000 (giá trị thiết bị thanh lý) Có TK 3331: 1.000 (thuế GTGT đầu ra).	0.5						
		4. Doanh thu từ việc bàn giao công trình: Nợ TK 131: 3.300.000 (phải thu khách hàng) Có TK 511: 3.000.000 (doanh thu chưa thuế) Có TK 3331: 300.000 (thuế GTGT đầu ra).	0.5						
		5. Kết chuyển chi phí để xác định giá vốn: Nợ TK 632: 1.935.000 (giá vốn công trình) Có TK 154: 1.935.000 (Tổng chi phí tập hợp: 1.200.000 (số dư đầu kỳ) + 700.000 + 745.000 – 10.000 (thiết bị thanh lý) = 1.935.000).	0.5						
		6. Thanh toán từ chủ đầu tư: Nợ TK 112: 2.000.000 (tiền nhận được) Có TK 131: 2.000.000	0.5						
Tổng điểm câu 3			4.0đ						